TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2025/HSST
Ngày: 30/6/2025.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Viết Thống

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 150/2025/HSST, ngày 05 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2025/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37 ngày 25/6/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1972, tại tỉnh Khánh Hoà.

Nơi thường trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Nơi cư trú: Số 09 đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Tr, sinh năm 1944; Con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1951. Hiện cùng trú tại thôn V, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo có chồng: Đặng P, sinh năm 1967 (đã ly hôn). Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 21 tháng 02 năm 2025 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị hại:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số 53 đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Song Y, sinh năm 1995, vắng mặt.

HKTT: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Phạm Thị Khánh D, sinh năm 1983; Địa chỉ: T7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Mỹ H là người giúp việc cho nhà bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968, trú tại số 53 đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 25 tháng 12 năm 2024, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu sơn vàng, biển kiểm soát 47B-313.31 đi đến nhà của bà H tại địa chỉ nêu trên để làm việc nhà. Tại đây, bà Nguyễn Thị H đi tắm tại phòng tắm thuộc tầng 02 của ngôi nhà và có để tại kệ kính trên chậu rửa mặt của phòng tắm 02 (hai) cọc tiền được cột bằng sợi dây thun. Sau khi tắm xong, thì bà H ra bên ngoài đi công việc và vẫn để số tiền nêu trên tại phòng tắm. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, khi H đến phòng tắm để dọn dẹp vệ sinh, thì thấy số tiền nêu trên được để trên kệ kính trong phòng tắm. Lúc này, H quan sát thấy không có người trông coi, nên đã lấy số tiền trên của bà H, rồi bỏ vào phía bên trong của chiếc áo khoác màu đen mà H đang mặc trên người, rồi tiếp tục làm việc. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi làm việc xong, thì H điều khiển chiếc xe mô tô đặc điểm nêu trên đi về nhà trọ tại địa chỉ số 09 đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, H đã đem 02 (hai) cọc tiền trên ra kiểm đếm, thì thấy có tổng cộng 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng). Đến ngày 01 tháng 01 năm 2025, H lấy số tiền trộm cắp được đến cửa hàng Đ, địa chỉ số 37 đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và gặp chị Nguyễn Thị Song Y, sinh năm 1995, trú tại buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (là nhân viên bán hàng của Cửa hàng) mua 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, màu đen với số tiền 6.040.000 đồng (Sáu triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng). Số tiền còn lại H sử dụng tiêu xài cá nhân, còn lại số tiền 6.800.000 đồng, H cất giữ trong người. Sau đó, Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập Nguyễn Thị Mỹ H về làm việc, thu giữ trên người của H số tiền 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm ngàn đồng) và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, màu đen.

Tại bản cáo trạng số: 153/CT-VKS-BMT ngày 01/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H mức án từ 02 (Hai) năm đến 2 (Hai) năm 6 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 4 năm đến 5 năm tính từ ngày tuyên án.

-Về phần xử lý vật chứng: Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại số tiền 6.800.000 đồng, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị H nhận quản lý, sử dụng.

Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, màu đen, số imei: 357582385640244, đã qua sử dụng, là tài sản do bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H sử dụng số tiền trộm cắp được của bà Nguyễn Thị H để mua. Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị H đã đồng ý nhận lại chiếc điện thoại di động có đặc điểm nêu trên, như một phần việc khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H cho bà Nguyễn Thị H nhận quản lý, sử dụng.

Đề nghị trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, model: izi 10, màu đen, số imei: 351402855644681 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màu hồng, số imei: 351590103699281, đều đã qua sử dụng, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo H, nhưng không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ H.

Đề nghị chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ATTILA, màu vàng, biển kiểm soát 47B1–313.31, số máy: MVUABD006125, số khung: 11BDCD006125. Quá trình điều tra xác định thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Phạm Thị Khánh D, sinh năm 1983, trú tại t7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (là em dâu của Nguyễn Thị Mỹ H). D đã cho H mượn chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo H sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, thì D không biết và không đồng ý nên trả cho bà Phạm Thị Khánh D nhận quản lý, sử dụng.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H đã tự nguyện khắc phục số tiền 69.160.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Sau khi nhận số tiền trên cùng số tiền 6.800.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, từ Cơ quan điều tra với tổng giá trị tương ứng số tiền 82.000.000 đồng, thì bà Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H phải bồi thường, khắc phục gì thêm và đã có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Thị Mỹ H.

Bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Qua kết quả tranh luận và lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.".

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu về tài sản. Nên vào ngày 25 tháng 12 năm 2024, Nguyễn Thị Mỹ H đã trộm cắp số tiền 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng) của bà Nguyễn Thị H, thì bị phát hiện. Do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của bị cáo gây ra.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo là người có nhân thân tốt, khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, số tiền bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi lượng hình.

Trong vụ án này, đối với bà Phạm Thị Khánh D là người đã cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47B1–313.31. Việc bị cáo H sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, thì bà D không biết và không đồng ý. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà D và chiếc xe mô tô trên là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Đối với bà Nguyễn Thị Song Y, là nhân viên của Cửa hàng Đ, là người đã bán 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, cho bị cáo H. Tuy nhiên, khi bán chiếc điện thoại trên, thì bà Y không biết số tiền bị cáo H sử dụng để mua là do bị cáo H phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà Y là có căn cứ và phù hợp nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo là đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội về sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

- Về phần xử lý vật chứng: Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại số tiền 6.800.000 đồng, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị H nhận quản lý, sử dụng.

Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, màu đen, số imei: 357582385640244, đã qua sử dụng, là tài sản do bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H sử dụng số tiền trộm cắp được của bà Nguyễn Thị H để mua. Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị H đã đồng ý nhận lại chiếc điện thoại di động có đặc điểm nêu trên, như một phần việc khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H cho bà Nguyễn Thị H nhận quản lý, sử dụng.

Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, model: izi 10, màu đen, số imei: 351402855644681 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màu hồng, số imei: 351590103699281, đều đã qua sử dụng, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo H, nhưng không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ H.

Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ATTILA, màu vàng, biển kiểm soát 47B1–313.31, số máy: MVUABD006125, số khung: 11BDCD006125 của Phạm Thị Khánh D (là em dâu của Nguyễn Thị Mỹ H). Bà D đã cho bị cáo H mượn chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo H sử dụng chiếc xe mô tô trên làm

phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, thì bà D không biết và không đồng ý nên trả lại cho bà Phạm Thị Khánh D nhận quản lý, sử dụng.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Cần chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H đã tự nguyện khắc phục số tiền 69.160.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Sau khi nhận số tiền trên cùng số tiền 6.800.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, từ Cơ quan điều tra với tổng giá trị tương ứng số tiền 82.000.000 đồng, thì bà Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H phải bồi thường, khắc phục gì thêm và đã có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bà Nguyễn Thị Mỹ H.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị Mỹ H** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 4 năm 6 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H cho Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban nhân dân phường T để giám sát, giáo dục bị cáo trong suốt thời gian thử thách. Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự.

- Về phần xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại số tiền 6.800.000 đồng, là tài sản của bà Nguyễn Thị H nhận quản lý, sử dụng.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, màu đen, số imei: 357582385640244, đã qua sử dụng, là tài sản do bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H sử dụng số tiền trộm cắp được của bà Nguyễn Thị H để mua. Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị H đã đồng ý nhận lại chiếc điện thoại di động có đặc điểm nêu trên, như một phần khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H cho bà Nguyễn Thị H nhận quản lý, sử dụng.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, model: izi 10, màu đen, số imei: 351402855644681 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, màu hồng, số imei: 351590103699281, đều đã qua sử dụng, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo H, nhưng không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ H.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM ATTILA, màu vàng, biển kiểm soát 47B1–313.31, số máy: MVUABD006125, số khung: 11BDCD006125. cho bà Phạm Thị Khánh D (là em dâu của Nguyễn Thị Mỹ H). Bà D đã cho H mượn chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo H sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, thì bà D không biết và không đồng ý nên trả lại cho bà Phạm Thị Khánh D nhận quản lý, sử dụng.

- Về phần trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H đã tự nguyện khắc phục số tiền 69.160.000 đồng cho bà Nguyễn Thị H. Sau khi nhận số tiền trên cùng số tiền 6.800.000 đồng và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A16, từ Cơ quan điều tra với tổng giá trị tương ứng số tiền 82.000.000 đồng, thì bà Nguyễn Thị H không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H phải bồi thường, khắc phục gì thêm. Chấp nhận việc bị hại bà H có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Thị Mỹ H.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 200.000 đồng, (Hai trăm ngàn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Phòng KTNV và THATAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND Tp.B;*
- *Công an tỉnh Đắk Lắk;*
- *Thi hành án phạt tù (để thi hành);*
- *Chi cục THADS Tp. B;*
- *Phòng PV 06 tỉnh Đắk Lắk;*
- *Bị cáo, các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

σ